TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Bản án số:25/2023/DS-PT
Ngày 16/3/2023

"V/v Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà;

Thẩm phán: Ông Trần Văn Phương;

Ông Trần Việt Trung.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Nhật Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà:*** **Bà** Hoàng Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại hội trường xét xử - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công K vụ án dân sự thụ lý số 02/2023/TLPT – DS ngày 31/01/2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXPT-DS ngày 17/22/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị K và ông Nguyễn V; địa chỉ: Khu phố A, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Hoàng M; địa chỉ: Khu phố E, Phường F, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị là người đại diện theo ủy quyền *(Giấy ủy quyền ngày 22/11/2021),* có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị Minh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 209, Tầng 2, dãy C, khu tập thể Lê Hồng P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế và nơi đăng ký tạm trú: 11-14 Chung cư Pegaus, đường H, phường Q, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

- Ông Lê Hồng S; địa chỉ: Số 50 đường H, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế là người đại diện theo ủy quyền *(Hợp đồng ủy quyền ngày 13/1/2022)*, vắng mặt.

- Ông Trần Văn H; địa chỉ: Số 56A đường Đ, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế là người đại diện theo ủy quyền *(Hợp đồng ủy quyền ngày 13/1/2022)*, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Thiềm Công K; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 209, Tầng 2, dãy C, khu tập thể Lê Hồng P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế và nơi đăng ký tạm trú: 11-14 Chung cư Pegaus, đường S, phường Q, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Thiềm Công K:

- Ông Lê Hồng Sơn; địa chỉ: Số 50 đường H, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế là người đại diện theo ủy quyền *(Hợp đồng ủy quyền ngày 13/1/2022)*, vắng mặt.

- Ông Trần Văn H; địa chỉ: Số 56A đường Đ, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế là người đại diện theo ủy quyền *(Hợp đồng ủy quyền ngày 13/1/2022)*, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Tháng 4/2010, bà T nhờ bà K, ông V thế chấp tài sản quyền sử dụng đất diện tích 237m^2, thửa số 73, bản đồ số 21 theo GCNQSDĐ số U 551384 do UBND thành phố Đ cấp ngày 11/03/2002 mang tên hộ bà Lê Thị K tại Khu phố A, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở cấp 4C có diện tích 30m^2 cùng 02 ki ốt cấp 4C cho Ngân hàng để bảo đảm khoản tiền vay của bà T là chủ Doanh nghiệp Xăng dầu Thành M. Sau khi bà T làm được giấy tờ của 02 thửa đất của bà T thì giao lại cho bà K nên bà K đồng ý.

Vì vậy, ngày 16/4/2010, bên bảo lãnh (Bên A) là bà Lê Thị K và bên được bảo lãnh (Bên B) là bà Trần Thị Minh T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Xăng dầu Thành M ký hợp đồng bảo lãnh với nội dung: Bên B là chủ doanh nghiệp tư nhân kinh doanh xăng dầu có nhu cầu vay vốn Ngân hàng, Bên A là cá nhân có tài sản là Quyền sử dụng đất tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Hiện tại bên B – bà Trần Thị Minh T có 02 thửa đất tại xã Cam Thủy, huyện C tỉnh Quảng Trị, nhưng chưa có giấy tờ. Do đó, bên A đồng ý thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất đứng tên bên A để bảo lãnh cho khoản vay của bên B tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C. Thông tin tài sản bảo lãnh: GCNQSDĐ số U 551384 do UBND thành phố Đ cấp ngày 11/03/2002 mang tên hộ ông Nguyễn V và bà Lê Thị K tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 21 với diện tích 237m^2, địa chỉ Khu phố A, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng

Trị. Bên B sẽ giao cho bên A quyền sử dụng đất tại 02 thửa đất của bên B tại xã Cam Thủy khi có đầy đủ GCNQSDĐ.

Ngày 28/4/2010, bà Trần Thị Minh T - Chủ doanh nghiệp xăng dầu Thành M và ông Thiềm Công K viết giấy mượn quyền sử dụng đất (bìa đỏ) với nội dung: *"Tôi tên là Trần Thị Minh T - Chủ doanh nghiệp xăng dầu Thành M cùng chồng là ông Thiềm Công K có mượn của chị Lê Thị K (Viết) 01 bìa đỏ quyền sử dụng đất số U 551384 diện tích 237m^2 để thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C, hạn mức tín dụng từ 1 đến 3 năm. Doanh nghiệp xăng dầu Thành M sẽ thực hiện đúng theo hợp đồng đã thỏa thuận. Nếu trong quá trình vay vốn chị Ký có nhu cầu rút giấy để làm việc khác thì chúng tôi sẽ hoàn trả đầy đủ. Vậy tôi viết giấy này để chị Ký (anh Viết) làm bằng chứng"*. bà T ký tên đóng dấu doanh nghiệp xăng dầu Thành M, còn ông Thiềm Công K ký tên người đồng sở hữu.

Thực hiện thỏa thuận trên, bà K đến Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C ký kết Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 1.01.7822 ngày 27/4/2010 và Phụ lục hợp đồng số 01.2012/PLHĐ ngày 17/01/2012 với nội dung: Bà K dùng tài sản của mình thế chấp để bảo đảm các khoản vay cho Doanh nghiệp Thành M do bà Trần Thị Minh T - Chủ doanh nghiệp với hạn mức cho vay là 1.250.000.000 đồng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 237m^2 tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 21 theo GCNQSDĐ số U 551384 do UBND thành phố Đ cấp ngày 11/03/2002 mang tên hộ bà Lê Thị K tại Khu phố A, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở cấp 4C có diện tích nhà ở 30m^2 cùng 02 ki ốt cấp 4C.

Sau đó, bà T - Chủ Doanh nghiệp Xăng dầu Thành M ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng vay tổng số tiền là 1.200.000.000đồng; thời hạn cho vay là 06 tháng, lãi suất theo thoả thuận trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T trả số tiền nợ gốc là 72.000.000đồng, còn nợ số tiền gốc là 1.128.000.000đồng và số tiền lãi không trả. Do không thực hiện đúng cam kết trả nợ nên Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn. Năm 2013, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà T - Chủ Doanh nghiệp xăng dầu Thành M thực hiện trả nợ đối với khoản tiền vay và các khoản lãi. Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 08/2018/KDTM - PT ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* đã có hiệu lực pháp luật đã quyết định xử:

"Buộc bà Trần Thị Minh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân Thành M có

nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 2.675.386.333 đồng, trong đó: Nợ gốc 1.128.000.000 đồng và tiền lãi 1.547.386.333 đồng. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán các khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết của số tiền gốc chưa thanh toán.

Trường hợp bà Trần Thị Minh T không trả nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 237m^2, tờ bản đồ số 21, số thửa 73 và tài sản trên đất theo GCNQSDĐ số U 551384 do UBND thị xã Đ cấp ngày 11/03/2002 cho hộ bà Lê Thị K để thu hồi nợ".

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, vợ chồng bà T và ông K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng nên Ngân hàng đã yêu cầu thi hành án đối với bà T - Chủ doanh nghiệp tư nhân Thành M và Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp do bà K thế chấp. Thực hiện quyết định thi hành án nên ngày 28/5/2021, ngày 03/6/2021 vợ chồng bà K và ông V đến Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay bà T với tổng số tiền gốc và lãi là 3.138.314.168 đồng, trong đó: Số tiền gốc là 1.128.000.000đồng và số tiền lãi 2.010.314.168đồng tính đến ngày 03/6/2021. Như vậy, bà K đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng của bên thế chấp tài sản để bảo lãnh cho bên vay.

Từ khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, bà K nhiều lần liên lạc với vợ chồng bà T để yêu cầu trả khoản nợ mà bà K và ông V trả nợ thay vợ chồng bà T, ông K nhưng không có kết quả. Ngày 19/5/2021 bà T có trả cho bà K, ông V số tiền 300.000.000đồng qua tài khoản ngân hàng. Vì vậy, bà Lê Thị Ký và ông Nguyễn V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Minh T và ông Thiềm Công K phải liên đới trả cho bà Lê Thị Ký và ông Nguyễn V số tiền nợ gốc là 2.838.314.168đồng; tiền lãi chậm thanh toán là 10%/năm, tương đương mỗi tháng là 0.833%/tháng, từ ngày nguyên đơn thực hiện việc trả tiền đến ngày xét xử sơ thẩm là 01 năm 03 tháng 27 ngày nên tiền lãi là (2.838.314.168đồng x 10%) + (2.838.314.168đồng x 0.833% x 03 tháng) + (2.838.314.168đồng x 0.0277% x 27 ngày) = 375.988.638đồng.

Tổng gốc và lãi: 2.838.314.168 + 375.988.638 = 3.214.302.000đồng.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 990, tờ bản đồ số 24 diện tích 816m^2 tại thôn Tam Hiệp, xã Cam Thủy, huyện C, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 246246 do UBND huyện C, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 10/01/2011 cho ông Thiềm Công K và bà Trần Thị Minh T.

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Minh T trình bày:

Theo thông báo thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật *"Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh"* phát sinh từ hợp đồng bảo lãnh. Nguyên đơn cung cấp bản chính hợp đồng bảo lãnh ngày 26/4/2010 để chứng minh yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, bà T cho rằng bà T chữ ký trong hợp đồng bảo lãnh ngày 26/4/2010 do nguyên đơn cung cấp không phải chữ ký của bà T nên không tồn tại hợp đồng bảo lãnh giữa bà K, ông V với bà T.

Còn ông K không có thỏa thuận, ký kết hợp đồng bảo lãnh với bà K và ông V. Ông K không ký kết hợp đồng vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C theo các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp. Bản án sơ thẩm số 03/2018/KDTM-ST ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C và Bản án phúc thẩm số 08/2018/KDTM-PT ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị không xác định ông K là đương sự và không buộc ông K phải trả nợ nên ông K không có nghĩa vụ với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C. Ông K cũng không có thỏa thuận, giao kết hợp đồng, quan hệ bảo lãnh hay nghĩa vụ nào với bà K và ông V. Giữa ông K và bà K, ông V không xác lập quan hệ dân sự nào. Vì vậy, việc bà K, ông V khởi kiện ông K là không đúng chủ thể và đề nghị Tòa án xác định ông K không phải là bị đơn và không phải là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Bà T chấp nhận trả cho bà K, ông V số tiền gốc là 1.128.000.000 đồng và bà T đã trả trước đó 300.000.000đồng qua tài khoản ngân hàng cũng như nhiều lần trả cho bà K thể hiện trên sổ theo dõi với số tiền cụ thể như sau: Ngày 25/6/2010 trả 7.000.000đồng, ngày 25/6/2010 trả 2.400.000đồng, ngày 08/10/2010 trả 2.300.000đồng, ngày 12/10/2010 trả 4.800.000đồng, ngày 30/9/2010 trả 10.500.000đồng, ngày 02/02/2011 trả 4.000.000đồng, ngày 14/02/2011 trả 8.000.000đồng, ngày 26/6/2011 trả 10.500.000đồng, ngày 26/6/2011 trả 11.400.000đồng, ngày 25/7/2011 trả 3.000.000đồng, ngày 03/8/2011 trả 4.000.000đồng, ngày 06/9/2011 trả 1.000.000đồng, ngày 6/11/2011 trả 3.500.000đồng. Tổng số tiền là 72.400.000đồng. Bà T đồng ý trả cho bà K, ông V số tiền gốc còn lại là: 1.128.000.000 đồng – (300.000.000 đồng + 72.400.000 đồng) = 755.600.000đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thiềm Công K trình bày:

Theo thông báo thụ lý vụ án thì bà K, ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông K và bà T phải trả số tiền 3.214.302.806đồng. Bà K, ông V cho rằng đã bảo lãnh và đã trả nợ thay ông nên yêu cầu ông K phải liên đới cùng với bà T

trả số tiền nợ trên. Tuy nhiên, ông K không tham gia vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C, không ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp. Bản án sơ thẩm số 03/2018/KDTM-ST ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C và Bản án phúc thẩm số 08/2018/KDTM-PT ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị không xác định ông K là đương sự và không buộc ông K phải trả nợ, không buộc bà K, ông V phải trả nợ thay ông K. Ông K không có nghĩa vụ gì đối với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C. Ông K không có thỏa thuận, giao kết hợp đồng, quan hệ bảo lãnh hay bất kì nghĩa vụ nào với bà K và ông V. Giữa ông K và bà K, ông V không xác lập quan hệ dân sự nào. Việc bà K, ông V khởi kiện ông K là không đúng chủ thể. Đề nghị Tòa án xác định ông K không phải là bị đơn và không phải là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ông K không có nghĩa vụ phải trả nợ cho ông V, bà K.

Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C quyết định xử:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 335, Điều 340, Điều 280, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K và ông Nguyễn V buộc bà Trần Thị Minh T trả cho bà K, ông V số tiền 3.046.457.206đồng.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 02/2022/QĐ-BPKCTT ngày 01/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Quảng Trị về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời *"Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ"* đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 990, tờ bản đồ số 24 diện tích 816m^2 tại thôn Tam Hiệp, xã Cam Thủy, huyện C, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 246246 do UBND huyện C, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 10/01/2011 cho ông Thiềm Công K và bà Trần Thị Minh T.

Trả lại số tiền thực hiện biện pháp bảo đảm cho bà Lê Thị Ký, ông Nguyễn Viết số tiền 200.000.000đồng phong tỏa trong tài khoản số 345704010000100 (04105580), chủ tài khoản Lê Thị Ký (số CMND 045148002877 cấp ngày 17/06/2021) tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

(HDBank) – chi nhánh Quảng Trị; địa chỉ: số 102 Quốc Lộ 9, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Theo Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CD 4105580) theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2022/QĐ-BPBĐ ngày 24/01/2022 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K và ông Nguyễn V buộc bà Trần Thị Minh T và ông Thiềm Công K trả cho bà K, ông V số tiền lãi 167.859.792đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/10/2022, nguyên đơn bà Lê Thị K, ông Nguyễn V có đơn kháng cáo với nội dung:

Bà T và ông K viết giấy mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 551384 ngày 11/3/2002 do UBND thành phố Đ cấp mang tên hộ bà Lê Thị Ký và ông Nguyễn Viết với diện tích 237m^2, thửa số 73, bản đồ số 21 để thế chấp ngân hàng vay vốn cho doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Minh Thành.

Bà K đã ký kết Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 1.01.7822 ngày 27/4/2010 và Phụ lục hợp đồng số 01.2012/PLHĐ ngày 17/01/2012 và thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 237m^2 tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 21 theo GCNQSDĐ số U 551384 do UBND thành phố Đ cấp ngày 11/03/2002 để bảo đảm các khoản vay cho Doanh nghiệp Thành M do bà T - Chủ doanh nghiệp với hạn mức cho vay là 1.250.000.000 đồng. Doanh nghiệp xăng dầu Thành M là tài sản chung của vợ chồng bà T và ông K, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên buộc bà T và ông K liên đới trả cho bà K, ông V số tiền 3.046.457.206 đồng là không đảm bảo việc thi hành án làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên buộc bà T và ông K liên đới trả cho bà K, ông V số tiền 3.046.457.206đồng.

Ngày 14/10/2022, ông Lê Hồng Sơn, ông Trần Văn Hoàng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Minh T kháng cáo với nội dung như sau:

- Bản chất vụ việc là bà K, ông V cho bà T vay tiền lấy lãi và bà T nhiều lần trả tiền cho bà K, ông V theo sổ theo dõi với số tiền 72.400.000đồng. Trước đó bà T đã trả cho bà K qua tài khoản ngân hàng số tiền 300.000.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét và khấu trừ số tiền 72.400.000đồng cho bà T làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định số tiền bà T trả cho bà K thể hiện trong sổ theo dõi là tiền thù lao của việc

bảo lãnh theo Điều 364 BLDS là không đúng.

Như vậy, bà T chấp nhận trả cho bà K, ông V số tiền là: 1.128.000.000 đồng - (300.000.000 đồng + 72.400.000 đồng) = 755.600.000đồng. Đối với tiền lãi chậm trả do các bên không thỏa thuận nên không có cơ sở tính lãi chậm trả.

Đề nghị Tòa án cáp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Minh T theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà K, ông V. Buộc bà T trả cho bà K, ông V số tiền 755.600.000đồng.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:*** Áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS năm 2015 đề nghị xử: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị K và ông Nguyễn V. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà Trần Thị Minh T và ông Thiềm Công K liên đới trả cho bà K, ông V số tiền 3.046.457.206 đồng cho bà Lê Thị K và ông Nguyễn V.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn về số tiền mà bà Trần Thị Minh T phải trả cho bà K, ông Việt là 755.600.000 đồng = (1.128.000.000 đồng - (300.000.000 đồng +72.400.000 đồng); khấu trừ số tiền 72.400.000 đồng và lãi chậm thanh toán.

- Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông Lê Hồng Sơn là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Minh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thiềm Công K vắng mặt không có lý do, nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 296 BLTTDS quy định, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp và xác định tư cách tham gia tố tụng:

Nguyên đơn bà K, ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà T và ông K liên đới trả cho bà K, ông V số tiền nợ gốc là 2.838.314.168đồng; tiền lãi chậm thanh toán là 375.988.638đồng, tổng gốc và lãi là 3.214.302.000đồng theo hợp đồng bảo lãnh ngày 16/4/2010 và Giấy mượn quyền sử dụng đất ngày 28/4/2010 được ký kết của vợ chồng bà Thành - Chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Thành Minh và ông K nên bà K mới ký hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho bà T – Chủ doanh nghiệp xăng dầu Thành Minh. Sau đó, vợ chồng bà K, ông Viết đã thực hiện việc trả nợ Ngân hàng Agribank thay cho bà Thành. Như vậy, phát sinh tranh chấp từ hợp đồng bảo lãnh ngày 16/4/2010 và

Giấy mượn quyền sử dụng đất ngày 28/4/2010 nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật "*Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh"* và căn cứ khoản 4 Điều 68 BLTTDS xác định ông Thiềm Công K tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị K, ông Nguyễn V và bị đơn bà Trần Thị Minh T, Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà T cho rằng chữ ký trong hợp đồng bảo lãnh ngày 16/4/2010 không phải chữ ký của bà T và bà T, ông K không ký giấy mượn quyền sử dụng đất ngày 28/4/2010. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng như người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không yêu cầu giám định chữ ký, nhưng bị đơn chấp nhận trả cho bà K, ông V số tiền gốc 1.128.000.000đồng và cho rằng tại hợp đồng bảo lãnh ngày 16/4/2010 và giấy mượn quyền sử dụng đất ngày 28/4/2010 không thỏa thuận về lãi suất nên không chấp nhận trả lãi. Mặt khác tại giấy mượn quyền sử dụng đất ngày 28/4/2010 thể hiện bà Thành - ký tên và đóng dấu tư cách Giám đốc doanh nghiệp xăng dầu Thành M và ông K ký, viết họ tên là người đồng sở hữu cam kết mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 551384 của bà K, ông Viết để thế chấp Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C để bảo lãnh cho khoản tiền vay của bà T – Chủ Doanh nghiệp Thành Minh.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo lãnh ngày 16/4/2010 và giấy mượn quyền sử dụng đất ngày 28/4/2010, bà K, ông Viết ký kết Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 1.01.7822 ngày 27/4/2010 và Phụ lục hợp đồng số 01.2012/PLHĐ ngày 17/01/2012 với Ngân hàng Agribank Việt Nam - Chi nhánh huyện C, tỉnh Quảng Trị để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ các khoản vay của bà T - Chủ Doanh nghiệp xăng dầu Thành Minh. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T - Chủ Doanh nghiệp xăng dầu Thành Minh vi phạm hợp đồng tín dụng, không thực hiện việc trả nợ Ngân hàng theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng Agribank Việt Nam khởi kiện. Ngày 15/11/2018, Bản án phúc thẩm số 08/2018/KDTM-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định xử buộc bà T - Chủ doanh nghiệp xăng dầu Thành M phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 2.675.386.333đồng, trong đó: Nợ gốc 1.128.000.000đồng, tiền lãi 1.547.386.333đồng và kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán các khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết của số tiền gốc chưa thanh toán. Đến ngày 03/6/2021 bà T còn nợ Ngân hàng Agribank số tiền là 3.138.314.168đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.128.000.000đồng

và nợ lãi là 2.010.314.168đồng. Do bà Thành không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Agribank theo quyết định của bản án trên nên bà K và ông Viết đã trả nợ số tiền 3.138.314.168đồng cho Ngân hàng Agribank thay bà T - Chủ doanh nghiệp xăng dầu Thành M.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T chấp nhận trả cho bà K, ông V số tiền gốc là 1.128.000.000đồng, ngày 19/5/2021 bà T đã trả cho bà K, ông V số tiền 300.000.000đồng qua tài khoản ngân hàng và 13 lần trả cho bà K, ông V với tổng số tiền 72.400.000đồng, cụ thể: Ngày 25/6/2010 trả 7.000.000đồng, ngày 25/6/2010 trả 2.400.000đồng, ngày 08/10/2010 trả 2.300.000đồng, ngày 12/10/2010 trả 4.800.000đồng, ngày 30/9/2010 trả 10.500.000đồng, ngày 02/02/2011 trả 4.000.000đồng, ngày 14/02/2011 trả 8.000.000đồng, ngày 26/6/2011 trả 10.500.000đồng, ngày 26/6/2011 trả 11.400.000đồng, ngày 25/7/2011 trả 3.000.000đồng, ngày 03/8/2011 trả 4.000.000đồng, ngày 06/9/2011 trả 1.000.000đồng, ngày 6/11/2011 trả 3.500.000đồng. Nguyên đơn thừa nhận bà T đã trả cho bà K, ông V số tiền 300.000.000đồng và không chấp nhận số tiền 72.400.000đồng. Hội đồng xét xử thấy theo nội dung các giấy trả tiền trên đều thể hiện việc tính lãi, nhưng không thể hiện trả lãi của số tiền nào và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng thừa nhận ngoài việc bà K, ông V bảo lãnh khoản vay cho bà T tại Ngân hàng Agribank, bà K và ông V còn mượn tiền hộ cho bà T, ông K theo các giấy vay tiền khác cũng được thể hiện tại tài liệu do bị đơn cung cấp là bản phô tô. Mặt khác, các tài liệu bị đơn cung cấp đều là bản phô tô không có công chứng chứng thực nên không có giá trị pháp lý. Còn người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không chấp nhận việc bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 72.400.000đồng. Bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh việc bà K, ông V đã nhận của bị đơn số tiền 72.400.000đồng và ông V, bà K cho vay tiền lấy lãi . Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận việc bà T đã trả nợ cho bà K, ông V số tiền 72.400.000đồng là có cơ sở.

Đối với yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán là 10%/năm (0.833%/tháng và 0.0277%/ngày) trên số tiền gốc chậm thanh toán tính từ ngày 03/6/2021 bà K, ông V thực hiện việc trả nợ Ngân hàng thay cho bà T đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử ngày 30/9/2022 là 01 năm 03 tháng 27 ngày. Tổng số tiền lãi là 375.988.638đồng (2.838.314.168đồng x 10%) + (2.838.314.168đồng x 0.833% x 03 tháng) + (2.838.314.168đồng x 0.0277% x 27 ngày) = 375.988.638đồng. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng theo hợp đồng bảo lãnh ngày 16/4/2010 và giấy mượn quyền sử dụng đất ngày 28/4/2010 các bên không thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán. Trước thời điểm

khởi kiện thì nguyên đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã thông báo hoặc yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn khi nguyên đơn trả tiền cho Ngân hàng Agribank nên không có căn cứ tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 03/6/2021 đến trước khi tòa án thụ lý vụ án là không đúng pháp luật và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà K, ông V có đơn kháng cáo, nhưng không kháng cáo nội dung trên nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Về yêu cầu khoản lãi tính từ ngày 07/01/2022 Tòa án án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2022 là 08 tháng 23 ngày theo mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là (2.838.314.168đồng x 10% : 12tháng x 08 tháng) + (2.838.314.168đồng x 10% : 12tháng : 30 ngày x 24ngày) = 208.143.038đồng. Căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận khoản lãi trên là đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bà T và ông K phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà K, ông V, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ khoản 1 Điều 183 Luật doanh nghiệp quy định thì bà T là chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Thành M và phải chịu mọi trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp xăng dầu Thành M. Theo khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định thì nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do bà T, ông K cùng thỏa thuận xác lập là hợp đồng bảo lãnh ngày 16/4/2010 và giấy mượn quyền sử dụng đất ngày 28/4/2010 thể hiện bà Thành - ký tên và đóng dấu tư cách Giám đốc doanh nghiệp xăng dầu Thành M và ông K ký, viết họ tên là người đồng sở hữu cam kết mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 551384 của bà K, ông Viết để thế chấp Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C để bảo lãnh cho khoản tiền vay của bà T – Chủ Doanh nghiệp Thành Minh. Vì vậy, vợ chồng bà Thành và ông K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà K, ông V tổng số tiền đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay là 3.046.457.206đồng, trong đó: Nợ gốc là 2.838.314.168đồng và nợ lãi là 208.143.038đồng.

Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời biện pháp *"Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp"* là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 990, tờ bản đồ số 24 diện tích 816m^2 tại thôn Tam Hiệp, xã Cam Thủy, huyện C, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 246246 do UBND huyện C, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 10/01/2011 cho ông K và bà Thành. Ngày 24/01/2022, Tòa án cấp

sơ thẩm ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2022/QĐ-BPBĐ và nguyên đơn đã nộp số tiền 200.000.000đồng vào tài khoản phong tỏa số 345704010000100 (04105580), chủ tài khoản Lê Thị Ký tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – chi nhánh Quảng Trị **t**heo Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CD 4105580. Ngày 25/01/2022, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT. Ngày 28/02/2022, nguyên đơn đề nghị Tòa án thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời bằng biện pháp *"Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ".* Ngày 01/4/2022, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2022/QĐ-BPKCTT về việc phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 990, tờ bản đồ số 24, diện tích 816m^2 tại thôn Tam Hiệp, xã Cam Thủy, huyện C, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 246246 do UBND huyện C, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 10/01/2011 cho ông K và bà Thành. Hội đồng xét xử thấy bà Thành, ông K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà K, ông Viết số tiền gốc và lãi là 3.046.457.206đồng và quyền sử dụng đất diện tích 816m^2, thửa đất số 990, tờ bản đồ số 24 cùng tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 246246 ngày 10/01/2011 do UBND huyện C, tỉnh Quảng Trị cấp cho bà Thành, ông K là tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên cần tiếp tục phong tỏa quyền sử dụng đất diện tích 816m^2, thửa đất số 990, tờ bản đồ số 24 cùng tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 246246 ngày 10/01/2011 do UBND huyện C, tỉnh Quảng Trị cấp cho bà Thành, ông K theo quyết định số 02/2022/QĐ-BPKCTT ngày 01/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Quảng Trị về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*" để bảo đảm việc thi hành án.

Trả lại cho bà K, ông Viết số tiền 200.000.000đồng đã nộp để thực hiện biện pháp bảo đảm phong tỏa trong tài khoản số 345704010000100 (04105580), chủ tài khoản Lê Thị Ký (số CMND 045148002877 cấp ngày 17/06/2021) tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – chi nhánh Quảng Trị; địa chỉ: số 102 Quốc Lộ 9, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Theo Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CD 4105580) theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2022/QĐ-BPBĐ ngày 24/01/2022.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn V, bà Lê Thị K và sửa bản án sơ thẩm; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Minh T.

[4] Về án phí: khoản 1 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 148, Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Bị đơn bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 92.929.144đồng và số tiền 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng do bà Thành là người cao tuổi và là người có công cách mạng, bà Thành có đơn xin miễn nộp án phí nên chấp nhận cho bà Thành được miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm trên.

- Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 8.392.989đồng do không được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, nhưng ông V, bà K là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên chấp nhận cho ông V, bà K miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn V, bà Lê Thị K và sửa bản án sơ thẩm; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Minh T.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 126, khoản 1 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 335, Điều 337, Điều 340, Điều 280, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K và ông Nguyễn V. Buộc bà Trần Thị Minh T và ông Thiềm Công K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị K, ông Nguyễn V số tiền 3.046.457.206đồng, trong đó: số tiền gốc 2.838.314.168đồng và số tiền lãi là 208.143.038đồng .

2. Tiếp tục thực hiện biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 02/2022/QĐ-BPKCTT ngày 01/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Quảng Trị về *"Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ"* đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 990, tờ bản đồ số 24, diện tích 816m^2 tại thôn Tam Hiệp, xã Cam Thủy, huyện C, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 246246 ngày 10/01/2011 do UBND huyện C, tỉnh Quảng Trị cấp cho ông Thiềm Công K và bà Trần Thị Minh T.

3. Trả cho bà Lê Thị Ký, ông Nguyễn Viết số tiền 200.000.000đồng thực hiện biện pháp bảo đảm đã được phong tỏa trong tài khoản số 345704010000100 (04105580), chủ tài khoản Lê Thị Ký (số CMND 045148002877 cấp ngày 17/06/2021) tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

(HDBank) – chi nhánh Quảng Trị; địa chỉ: số 102 Quốc Lộ 9, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Theo Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CD 4105580) theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2022/QĐ-BPBĐ ngày 24/01/2022.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K và ông Nguyễn V về yêu cầu buộc bà Trần Thị Minh T và ông Thiềm Công K trả cho bà Lê Thị K, ông Nguyễn V số tiền lãi là 167.859.792đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người bị thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Theo quy định tại Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đươc quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí:

- Bà Trần Thị Minh T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 92.929.144đồng và dân sự phúc thẩm số tiền 300.000đồng.

- Bà Lê Thị Ký và ông Nguyễn Viết được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 8.392.989đồng. Trả lại cho bà Lê Thị K và ông Nguyễn V số tiền nộp tạm ứng án phí là 48.690.720đồng theo biên lai thu tiền số 0000052 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Quảng Trị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND h. C;
- Chi cục THADS h. C;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thu Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Việt Trung **Trần Văn Phương** **Nguyễn Thị Thu Hà**